

Xã hội hóa hoạt động bảo tồn tín ngưỡng cư dân ven biển Nam Trung Bộ

Lê Thị Thu Hiền

Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng

Đinh Như Hoài

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

Email liên hệ: lethuhiendn@gmail.com

Tóm tắt: Trong thời gian gần đây, xã hội hóa trong hoạt động bảo tồn tín ngưỡng cư dân ven biển Nam Trung Bộ đã đạt được những hiệu quả nhất định, góp phần phục hồi và phát triển những tín ngưỡng truyền thống. Tuy nhiên, xã hội hóa công tác bảo tồn tín ngưỡng ở cư dân ven biển Nam Trung Bộ vẫn còn tồn tại một số hạn chế, bất cập. Bài viết tập trung đánh giá thực trạng hiện nay và đề xuất một số khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả công tác xã hội hóa trong bảo tồn tín ngưỡng cư dân ven biển Nam Trung Bộ trong thời gian tới.

Từ khóa: Xã hội hóa, bảo tồn, tín ngưỡng, cư dân ven biển, Nam Trung Bộ.

Socializing the preservation of locals' beliefs in the South Central Coast of Vietnam

Abstract: In recent years, socializing the preservation of coastal residents' beliefs in the South Central Vietnam has made certain achievements, contributing to the restoration and development of traditional beliefs in the region. However, this preservation poses limitations and shortcomings that need to be solved. The paper analyzes the current situation of the socialization and makes recommendations for improving the effectiveness of this process in the region.

Keywords: Socialization, preservation, beliefs, coastal residents, South Central Vietnam.

Ngày nhận bài: 20/05/2021

Ngày duyệt đăng: 20/06/2021

1. Đặt vấn đề

Trong giai đoạn đổi mới từ sau năm 1986 đến nay, diện mạo của vùng ven biển Nam Trung Bộ đã và đang có nhiều thay đổi. Đặc biệt, với việc ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 9/2/2007 của Hội nghị lần thứ 4, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 và gần đây là Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Hội nghị lần thứ 8, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, đã xác định quan điểm chủ đạo là Việt Nam phải trở thành quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển, phát triển bền vững, thịnh vượng, an ninh và an toàn (Nguyệt Anh, 2018).

Vùng Nam Trung Bộ gồm 08 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận. Vùng Nam Trung Bộ sở hữu nguồn tài nguyên biển hết sức đa dạng, phong phú. Từ rất lâu đời, ở các địa phương

này đã hình thành nên đời sống kinh tế, phương thức mưu sinh, cách thức sản xuất, đời sống văn hóa, xã hội mang dấu ấn đặc trưng biển. Trong cuộc sống mưu sinh gắn với môi trường biển, có sự đan xen đồng bằng cận duyên, cộng đồng cư dân vùng biển Nam Trung Bộ đã sáng tạo các giá trị văn hóa đặc trưng, dung hợp cả yếu tố nông nghiệp và ngư nghiệp. Trong quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa và hội nhập hiện nay, một số địa phương đã tận dụng được các giá trị văn hóa, di sản văn hóa và khơi dậy nguồn lực con người trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển du lịch, hình thành sinh kế mới cho người dân địa phương. Trong bối cảnh đó, nhiều giá trị văn hóa mới đang hình thành cùng trong đời sống kinh tế - xã hội của cư dân ven biển, nhưng không ít giá trị văn hóa truyền thống bị mai một, biến dạng, trong đó có những giá trị văn hóa tín ngưỡng. Điều này khiến cho diện mạo văn hóa của cộng đồng cư dân vùng biển Nam Trung Bộ có nhiều xáo trộn và biến động (Hà Đình Thành, 2016), (Lê Thị Thu Hiền, 2017). Trước thực trạng đó, nhiều chủ trương, chính sách và giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống được các địa phương đưa ra, tuy nhiên chưa đạt hiệu quả cao, do những hạn chế về nguồn nhân lực, kinh phí và phương thức thực hiện. Một trong những giải pháp đang được một số địa phương triển khai thực hiện, bước đầu mang lại những hiệu quả nhất định, đó là phát huy vai trò xã hội hóa của cộng đồng trong việc khôi phục, bảo tồn tín ngưỡng của cư dân ven biển.

Các tín ngưỡng truyền thống của cộng đồng cư dân ven biển Nam Trung Bộ đa dạng và phong phú, là sự tiếp nối dòng chảy tín ngưỡng truyền thống của người Việt ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ tích hợp với các sắc thái văn hóa, tín ngưỡng của cư dân "tiền Việt" - người Chăm. Có thể kể đến một số tín ngưỡng tiêu biểu như: Tín ngưỡng thờ cá Voi, Tín ngưỡng thờ Tiền hiền, Tín ngưỡng thờ Nữ thần/Mẫu thần, Tín ngưỡng thờ Cô hồn/Cô bác. Có thể thấy, tín ngưỡng của cư dân ven biển Nam Trung Bộ là kết quả của sự tương tác giữa con người với môi trường ven biển trong quá trình sinh hoạt và lao động sản xuất hàng ngày. Sống cạnh biển, khai thác nguồn lợi từ biển và tính mạng phụ thuộc vào mỗi chuyến ra khơi nên các tín ngưỡng góp phần thỏa mãn nhu cầu được chở che, yên ổn của người dân nơi đây. Điều đó chứng tỏ, kiểu văn hóa của mỗi tộc người được tạo ra là do những nguồn tài nguyên và những giới hạn của môi trường xung quanh, kể cả những thay đổi trong môi trường đó (Mai Văn Hai, Mai Kiệm, 2011, tr.110).

Từ cách tiếp cận liên ngành trong nghiên cứu văn hóa, thông qua các cuộc điều tra khảo sát thực hiện năm 2020 tại thành phố Đà Nẵng, tỉnh Bình Định, tỉnh Khánh Hòa, bài viết đi sâu vào phân tích thực trạng xã hội hóa trong công tác bảo tồn tín ngưỡng của cư dân ven biển Nam Trung Bộ. Trên cơ sở đó, gợi mở một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của công tác này ở các địa phương ven biển Nam Trung Bộ hiện nay.

2. Thực trạng xã hội hóa hoạt động bảo tồn tín ngưỡng của cư dân ven biển Nam Trung Bộ

2.1. Một số kết quả đạt được

Căn cứ trên bối cảnh đặc thù, xã hội hóa hoạt động bảo tồn tín ngưỡng ở ven biển Nam Trung Bộ được thực hiện dưới nhiều hình thức và mang những nét đặc thù của từng địa phương khác nhau:

- Xã hội hóa trong xây dựng, tu bổ và sửa chữa di tích tín ngưỡng.

Đà Nẵng là địa phương có nhiều di tích gắn liền với tín ngưỡng của cư dân ven biển nơi đây. Trên địa bàn thành phố có 2 di tích cấp quốc gia đặc biệt, 17 di tích cấp quốc gia và 55

di tích cấp thành phố. Kể từ khi thành phố có Đề án Bảo tồn di sản văn hóa trên địa bàn Đà Nẵng năm 2016 - 2020, hầu hết các di tích đều được thành phố quan tâm trùng tu, trong đó có một số di tích thuộc các làng ven biển được trùng tu mới hoàn toàn như đình Xuân Thiều, đình Nại Hiên Đông, Nhà truyền thống Nghề cá làng An Hải Tây...; hoặc trùng tu, tôn tạo, sửa chữa lại như: đình làng An Hải (phường An Hải Tây), đình làng Mỹ Khê (phường Phước Mỹ), lăng ông Kim Liên (phường Hoà Hiệp Bắc) đình làng Thanh Khê (phường Thanh Khê Đông)... Mặt khác, có những di tích được tu bổ dựa trên nguồn kinh phí của quận và người dân, như di tích lịch sử đình làng Mân Quang thuộc phường Thọ Quang được tôn tạo, sửa chữa năm 2017 với tổng kinh phí là 120 triệu đồng, trong đó, hội viên Hội liên hiệp phụ nữ quận Sơn Trà đóng góp 40 triệu đồng, UBND quận hỗ trợ 80 triệu đồng. Có những di tích được xây mới hoàn toàn từ đóng góp của cộng đồng (người dân, doanh nghiệp, Việt kiều) như miếu thờ bà Thánh phi, miếu Tam Vị, miếu Thuyền tại làng biển Thanh Khê (phường Thanh Khê Đông).

Kết quả khảo sát tại hai xã ở ven biển là Tam Quan Bắc và Nhơn Lý của tỉnh Bình Định cũng cho thấy thực trạng tương tự. Các di tích tín ngưỡng của cư dân ven biển Nam Trung Bộ nói chung, tỉnh Bình Định nói riêng chủ yếu chỉ dừng ở xếp hạng cấp tỉnh/thành phố, nhiều di tích không được xếp hạng nên nguồn kinh phí tu bổ từ nhà nước rất hạn chế. Do đó, ở một số nơi thường là Trưởng ban khánh tiết hoặc Vạn trưởng, được sự cho phép của chính quyền, đã đứng ra để vận động các nguồn xã hội hóa, như trường hợp lăng Ông Thiệu Xuân (xã Tam Quan Bắc, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định): *"Sau giải phóng lăng có quy mô rất nhỏ, bằng ½ bây giờ. Chủ phải tập hợp 4 ông làm trong ban Vạn cũ lập thành một tổ, báo cáo chính quyền và thông báo với bên Vạn để tìm cách xin kinh phí xây dựng cho quy mô hơn, xây thêm miếu âm linh và nhà thờ Tiên hiền. Ban đầu vận động người dân được 96 triệu, lại huy động thêm bà con đi làm ăn, sinh sống ở các nơi khác như Quy Nhơn, thành phố Hồ Chí Minh, người ít thì 1 triệu, nhiều thì 5 triệu, xây dựng lăng tốn 120 triệu (năm 2010). Đối với miếu Thanh minh bọn chủ phải đi vô thành phố Hồ Chí Minh rồi xuống Vũng Tàu để xin tài trợ. Còn nhà thờ Tiên hiền, ban đầu người dân ủng hộ 40 triệu, chủ vận động thêm nơi khác mới có hơn 50 triệu để xây (năm 2020)".* (Phòng văn sâu, Nam, 84 tuổi, ngư dân, nguyên là Vạn trưởng, xã Tam Quan Bắc, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định).

Khánh Hòa cũng là một trong số ít các địa phương ở ven biển Nam Trung Bộ đã triển khai xã hội hóa công tác trùng tu, tôn tạo di tích có hiệu quả. Trong 3 năm 2016 - 2019, 26 di tích đã được trùng tu, tôn tạo với nguồn kinh phí tỉnh 10 tỷ, ngân sách các địa phương 17 tỷ, trong đó xã hội hóa trong nhân dân khoảng 2,7 tỷ. Năm 2020, UBND tỉnh Khánh Hòa cho phép thực hiện tu bổ 45 di tích trên địa bàn tỉnh với tổng kinh phí hơn 150 tỷ đồng từ nhiều nguồn vốn khác nhau như: nguồn thu phí tham quan được để lại của Trung tâm Bảo tồn di tích, nguồn thu công đức, nguồn ngân sách các cấp, nguồn xã hội hóa (Gia Văn, 2020). Dự kiến công tác trùng tu, tôn tạo di tích của tỉnh Khánh Hòa sẽ tiếp tục được đẩy mạnh trong giai đoạn 2020 - 2025 với nguồn vốn đầu tư của nhà nước kết hợp xã hội hóa từ cộng đồng, trong đó bao gồm cả các di tích tín ngưỡng ở ven biển như: đình Trà Long (phường Ba Ngòi, thành phố Cam Ranh), đình Tân Mỹ (thị trấn Vạn Giã, huyện Vạn Ninh), đình - lăng Bình Tây (phường Ninh Hải, thị xã Ninh Hòa), đình Bình Ba (xã Cam Bình, thị xã Cam Ranh),... Điển hình là di tích đình Trà Long đã được tu bổ xong vào năm 2021 dựa trên sự vận động xã hội hóa, kêu gọi mạnh thường quân đóng góp tài chính, công sức để tu bổ, sửa chữa một số hạng mục xuống cấp, đổ bê tông gần 400m² sân đình sạch đẹp... với tổng kinh phí 120 triệu đồng

(Phan Hương, 2021). Cụ thể tại làng Ông Lương Hải, làng Cát Ném, thị trấn Vạn Giã, Vạn Ninh, Khánh Hòa: *“Làng Ông Lương Hải mới được tu bổ lại, mở rộng các công trình chính điện, nhà võ ca và xây dựng thêm miếu ông, miếu âm hồn, nhà tiếp khách, nhà cho đoàn hát bội nghỉ, công trình vệ sinh. Đó là nhờ sự đóng góp của bà con, đặc biệt là sự tài trợ kinh phí của Việt kiều từ Mỹ, Na Uy, đặc biệt vợ chồng ông Đoàn Ngọc Nhiệm và bà Nguyễn Thị Giấy ở Na Uy đã hỗ trợ hơn 2 tỷ”*. (Phỏng vấn sâu, Nam, 63 tuổi, ngư dân, quản lý làng Ông, thị trấn Vạn Giã, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa).

Hoạt động xã hội hóa bảo tồn di tích tín ngưỡng cư dân ven biển Nam Trung Bộ còn đạt được nhiều kết quả khi người dân thực hiện tái định cư. Tại khu tái định cư Hòn Rớ (thuộc Phước Đồng, Nha Trang, Khánh Hòa), nơi tập trung của ngư dân bị giải tỏa ở các phường ven biển thành phố Nha Trang như Vĩnh Nguyên, Vĩnh Phát, Vĩnh Thọ, Vĩnh Trường, nhất là Xương Huân, các ngư dân đã làm đơn kiến nghị xin chuyển công trình làng Ông Nam Hải ở số 6 đường Lê Lợi, phường Xương Huân về Hòn Rớ. Đồng thời, đề nghị UBND tỉnh cấp đất để lập làng và sẽ tự nguyện đóng góp để xây dựng lại làng theo kiến trúc làng xưa, nhưng không nhận được sự đồng thuận từ phía Ban quản lý đình làng Xương Huân (kiêm phụ trách quản lý làng Ông). Năm 2015, UBND tỉnh ban hành Thông báo số 278 cho phép dân cư Khu dân cư Hòn Rớ 1 lập dự án đầu tư xây dựng làng Ông với diện tích khoảng 738m². Các cụ cao tuổi tại Hòn Rớ đã đến từng gia đình, từng tàu cá để vận động đóng góp. Đến năm 2017, công trình làng Ông đã được hoàn thành với diện tích xây dựng khoảng 600m², tổng mức đầu tư khoảng 600 triệu đồng do nguồn vốn xã hội hóa. Như vậy, sau khi tái định cư ngư dân đã xây dựng làng Ông Nam Hải tại nơi ở mới.

- Xã hội hóa trong quản lý, tuyên truyền bảo vệ di tích tín ngưỡng

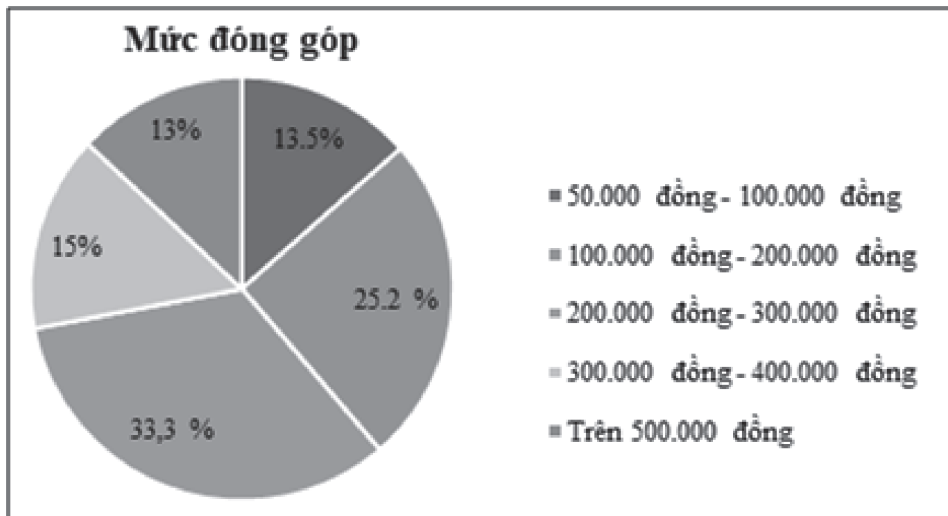
Xã hội hóa bảo tồn di tích tín ngưỡng còn biểu hiện qua hình thức nâng cao trách nhiệm quản lý của cộng đồng dân cư các làng xã, phố phường đối với hệ thống tín ngưỡng trên địa bàn. Hay nói cách khác, phải để di tích sống trong cộng đồng cư dân địa phương, đó là điều kiện quan trọng để các di tích tín ngưỡng tồn tại, phát triển. Ở các địa phương ven biển Nam Trung Bộ, nhân dân đều cử ra các Ban hoặc Tổ quản lý di tích, có chức năng chăm lo gìn giữ di tích. Ở một số di tích như đình làng, nhà thờ tộc sẽ có Ban trị sự/Ban khánh tiết do người dân tự bầu ra. Đồng thời, các địa phương Đà Nẵng, Bình Định, Khánh Hòa còn hết sức chú trọng các hình thức tuyên truyền, vận động, giáo dục, quảng bá,... để phát huy vai trò của người dân trong công tác xã hội hóa hoạt động bảo tồn tín ngưỡng của cư dân ven biển.

- Xã hội hóa trong thực hành tín ngưỡng, tổ chức lễ hội và lễ lệ hàng năm

Nói đến tín ngưỡng cư dân ven biển Nam Trung Bộ, không thể không đề cập đến hệ thống *lễ lệ, lễ hội* gắn liền với các tín ngưỡng như: lễ hội đình làng, lễ tế Tiên hiền, lễ vía Bà, lễ quẩy cơm Cô Bác, lễ cúng vũng, điển hình là lễ hội Cầu ngư - cầu mong Thần Biển - Đức Ngư Ông luôn phù hộ cho trời yên, biển lặng, tàu thuyền ra khơi được thuận buồm xuôi gió, đánh bắt nhiều hải sản và mùa màng bội thu.

Xã hội hóa trong thực hành tín ngưỡng, lễ hội ở cư dân ven biển Nam Trung Bộ hiện nay được phát huy mạnh mẽ thông qua việc huy động nguồn nhân lực, vật lực, kinh phí trong tất cả các khâu tổ chức thực hiện. Kết quả khảo sát về *“Mức đóng góp khi địa phương tổ chức lễ hội, xây dựng, sửa chữa cơ sở thờ tự tín ngưỡng, tôn giáo là bao nhiêu?”* tại thành phố Đà Nẵng, tỉnh Bình Định và tỉnh Khánh Hòa (600 phiếu) như sau:

Biểu đồ 1. Mức đóng góp của người dân vùng Nam Trung Bộ trong các hoạt động tín ngưỡng chung của cộng đồng



(Nguồn: Phân tích số liệu điều tra đề tài tại Đà Nẵng, Bình Định, Khánh Hòa, 2020)

Kết quả khảo sát tại biểu đồ 1, cho thấy trong các hoạt động tín ngưỡng chung của cộng đồng, người dân cùng tham gia đóng góp với các mức khác nhau. Cụ thể, mức đóng góp phổ biến nhất là từ 200.000 - 300.000 đồng (chiếm 33,3%) và mức đóng góp có tỷ lệ cao tiếp theo là 100.000 - 200.000 đồng (chiếm 25,2%). Điều thú vị là mức trên 500.000 đồng và mức đóng góp thấp nhất từ 50.000 đồng - 100.000 đồng chiếm tỷ lệ lần lượt là 13% và 13,5%. Trong khi đó tỷ lệ đóng góp từ 300.000 - 400.000 đồng (chiếm 15%). Như vậy, mức đóng góp trung bình của người dân tham gia sinh hoạt tín ngưỡng là từ 100.000 - 300.000 đồng.

Những năm gần đây, hoạt động xã hội hóa trong bảo tồn tín ngưỡng của cư dân ven biển Nam Trung Bộ bước đầu đã được đẩy mạnh và đạt kết quả nhất định. Một số di tích tín ngưỡng được sửa chữa, xây mới; hoạt động thực hành tín ngưỡng được phục hồi, mở rộng, phát triển; người dân ngày càng có ý thức và hành động thiết thực cùng chung tay bảo vệ di tích, tín ngưỡng; sự quan tâm của các cấp chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức doanh nghiệp cũng có nhiều chuyển biến theo hướng tích cực...

2.2. Một số hạn chế

Bên cạnh những chuyển biến tích cực đã đạt được, hoạt động xã hội hóa trong bảo tồn tín ngưỡng của cư dân ven biển ở vùng Nam Trung Bộ vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục. Có thể nhận diện trên một số mặt chủ yếu sau:

Thứ nhất, nhận thức của các ngành, các cấp và của toàn xã hội về vai trò, ý nghĩa và trách nhiệm của công tác xã hội hóa đối với việc bảo tồn tín ngưỡng của cư dân ven biển tuy đã được nâng lên nhưng chưa sâu sắc và toàn diện, chưa được cụ thể hóa bằng các biện pháp, kế hoạch và chương trình cụ thể. Ở chiều ngược lại, không ít cộng đồng cư dân còn tâm lý thụ động trông chờ, ỷ lại vào sự đầu tư của nhà nước và chính quyền.

Thứ hai, nguồn lực của xã hội cho hoạt động bảo tồn tín ngưỡng của cư dân ven biển còn rất lớn nhưng chưa huy động được và định hướng vào những công việc thật sự cấp bách. Trong hoạt động bảo tồn tín ngưỡng, việc kêu gọi đóng góp chủ yếu tập trung ở khâu xây

dựng mới di tích, khâu đóng góp để bảo quản chống xuống cấp, tu bổ di tích còn chưa hiệu quả, lâu dài. Việc quản lý nguồn vốn xã hội hóa đôi khi còn thiếu chặt chẽ, chuyên nghiệp.

Trên thực tế, một số địa phương như Quảng Ngãi, Ninh Thuận, Bình Thuận, công tác xã hội hóa bảo tồn tín ngưỡng chưa được xúc tiến đẩy mạnh và chưa đạt hiệu quả cao. Ở Quảng Ngãi, nguồn ngân sách đầu tư cho công tác bảo tồn, nâng cấp các di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn tỉnh vẫn không đảm bảo mức chi theo quy định, nên có nhiều di tích bị lấn chiếm, hoặc xuống cấp trầm trọng (Đ.Sương - T.Ân - M.Hạ, 2019). Ở Ninh Thuận, do tỉnh chưa có nguồn đầu tư sửa chữa nên một số di tích cấp tỉnh tự người dân đóng góp và tự ý trùng tu và sửa chữa nên cũng ảnh hưởng rất lớn đến quá trình bảo tồn các giá trị của di tích. Công tác xã hội hóa hoạt động di tích chưa được phát huy và chưa có chủ trương của tỉnh Ninh Thuận (Thanh Thùy, 2018). Do thiếu vai trò định hướng, quản lý của chính quyền, trong một số cộng đồng cư dân ven biển vẫn còn quan niệm "*cứ có tiền muốn làm gì cũng được*". Điều này dẫn đến thực tế là có nơi, người dân sẵn sàng công đức số tiền rất lớn nhưng lại yêu cầu phá bỏ di tích cũ, xây dựng di tích mới theo thiết kế, phong cách... hiện đại.

Thứ ba, trong quá trình tổ chức thực hiện, hoạt động xã hội hóa còn có lúc, có nơi chưa tuân thủ sự hướng dẫn và quản lý của Nhà nước dẫn đến hiện tượng lạm dụng thực hành tín ngưỡng để hành nghề mê tín dị đoan và tạo ra nguy cơ làm biến đổi, biến dạng thực hành tín ngưỡng theo chiều hướng tiêu cực. Trong các thực hành tín ngưỡng hiện nay đã xuất hiện các hoạt động mang tính thương mại hóa, lợi dụng tín ngưỡng tâm linh để thu lợi bất chính. Bảo tồn tín ngưỡng của cư dân ven biển dường như mới chỉ tập trung vào tôn tạo, xây lại hoặc sửa chữa các di tích tín ngưỡng, chưa chú ý nhiều đến các thực hành tín ngưỡng, cũng như chính sách, chế độ cho nguồn nhân lực bảo vệ di tích, thực hành tín ngưỡng.

Như vậy, công tác xã hội hóa trong bảo tồn tín ngưỡng của cư dân ven biển Nam Trung Bộ dù được chú trọng và nhân rộng ở nhiều địa phương, tuy nhiên về cơ bản chưa đạt được kết quả như mong đợi. Bên cạnh những nguyên nhân khách quan, còn nguyên nhân chủ quan đó là từ nhận thức, vai trò tự giác, tự chủ của người dân chưa thật đầy đủ; công tác tuyên truyền, vận động và sự quan tâm đầu tư, hỗ trợ về mặt tinh thần, vật chất đôi khi chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra. Do đó, để phát huy tối đa nguồn lực xã hội hóa trong hoạt động bảo tồn tín ngưỡng ở cộng đồng cư dân biển Nam Trung Bộ, cần phải nhận diện và giải quyết kịp thời, thấu đáo những vấn đề bức thiết đặt ra từ thực tiễn các địa phương trong vùng.

3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác xã hội hóa trong hoạt động bảo tồn tín ngưỡng cư dân ven biển Nam Trung Bộ

Thứ nhất, nâng cao nhận thức về vai trò, trách nhiệm của chính quyền địa phương các cấp, ban quản lý di tích của cư dân ven biển Nam Trung Bộ trong công tác xã hội hóa hoạt động bảo tồn tín ngưỡng.

Các cấp chính quyền ở vùng ven biển Nam Trung Bộ luôn phải đảm nhận vai trò chủ đạo trong toàn bộ quá trình tổ chức thực hiện, *đồng thời huy động tiềm năng, nguồn lực của mọi lực lượng, mọi thành phần kinh tế - xã hội và người dân cùng tham gia để đa dạng hóa chủ thể hoạt động bảo tồn*. Trên cơ sở đó, các cấp chính quyền cơ sở đảm nhiệm vai trò: ban hành các quy định, hướng dẫn cụ thể để định hướng cho các Ban quản lý di tích tại địa phương tuân thủ đúng các quy trình, thủ tục trong công tác bảo tồn, tôn tạo di tích; tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nhân dân tham gia bảo tồn, bảo vệ di tích, tổ chức tốt các thực hành tín ngưỡng;

đồng thời phối hợp huy động, quản lý và kiểm soát tốt việc sử dụng các nguồn lực kinh phí từ công tác xã hội hóa.

Hiện nay, ban quản lý và tổ chức các hoạt động tín ngưỡng của cư dân *ven biển Nam Trung Bộ* đều do người dân bầu, không được đào tạo chuyên môn về lĩnh vực bảo tồn nên trong quá trình điều hành hoạt động còn mang nặng cảm tính và thiếu tính chuyên nghiệp. Ví thể, các cấp chính quyền ở địa phương cần đặc biệt quan tâm công tác xây dựng và đào tạo đội ngũ công chức, viên chức văn hóa cấp phường/xã đủ về số lượng, đảm bảo về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đảm nhiệm vai trò định hướng, dẫn dắt các ban quản lý di tích và người dân tuân thủ đúng Luật di sản văn hóa và Luật tín ngưỡng, tôn giáo. Trong quá trình tổ chức các hoạt động tín ngưỡng cũng như trong quá trình trùng tu, tôn tạo hoặc xây mới các cơ sở thực hành tín ngưỡng, thông qua ban quản lý, người dân phải có sự liên hệ với chính quyền địa phương để nhận được sự hỗ trợ về mặt pháp lý, chuyên môn, nghiệp vụ cũng như một phần kinh phí tổ chức thực hiện. Có như vậy mới khắc phục được tình trạng lạm dụng thực hành tín ngưỡng để hành nghề mê tín dị đoan hoặc thu lợi bất chính, cũng như hạn chế đến mức tối đa các hiện tượng lợi dụng việc tu bổ để phá bỏ di tích cũ, xây dựng di tích mới theo thiết kế, phong cách hiện đại làm sai lệch yếu tố gốc của di tích.

Thứ hai, nâng cao vai trò tự giác, tính tự chủ, tự quản của người dân *ven biển Nam Trung Bộ* trong hoạt động xã hội hóa bảo tồn và phát huy tín ngưỡng.

Di sản văn hóa, thực hành tín ngưỡng là sinh hoạt văn hóa của cộng đồng, do vậy xã hội hóa trong bảo tồn và phát huy tín ngưỡng của cư dân *ven biển Nam Trung Bộ* phải hướng tới cộng đồng, do cộng đồng đảm nhận và đáp ứng nhu cầu hưởng thụ của người dân tại chỗ. Trong quá trình triển khai các hoạt động, cần chú trọng nâng cao nhận thức và sự hiểu biết về giá trị di sản tín ngưỡng trong cộng đồng, để mỗi người dân trở thành những nhân tố tích cực, tham gia có trách nhiệm vào các hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa. Chính cộng đồng dân cư tại chỗ là người trực tiếp bảo vệ, thực hành tín ngưỡng cũng như phát hiện sự xuống cấp, những hành vi xâm hại di tích văn hóa. Bởi vậy, chính quyền các cấp cần thường xuyên tổ chức các buổi làm việc với người dân, để lắng nghe ý kiến của họ về những vấn đề mới phát sinh, những bất cập đang diễn ra trong quá trình bảo vệ, gìn giữ và phát huy giá trị di sản.

Thứ ba, xây dựng cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện tốt công tác xã hội hóa đối với hoạt động bảo tồn tín ngưỡng của cư dân *ven biển Nam Trung Bộ*.

Để đáp ứng yêu cầu công tác xã hội hóa trong hoạt động bảo tồn tín ngưỡng của cư dân *ven biển* phù hợp với thực tiễn của thời kỳ mới, chính quyền và các cơ quan chuyên môn ở vùng *Nam Trung Bộ* cần tiếp tục hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực bảo tồn tín ngưỡng, như: Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị tín ngưỡng phù hợp với pháp luật hiện hành và thống nhất trong toàn vùng. Quy chế phối hợp quản lý di tích - tín ngưỡng trong phạm vi địa phương giữa đơn vị trực tiếp quản lý, bảo vệ di tích và các tổ chức, cá nhân liên quan. Cơ chế tài chính trong việc trích lại kinh phí từ nguồn thu xã hội hóa cho việc quản lý, bảo vệ và công tác bảo tồn tín ngưỡng.

Chú trọng thực hiện chế độ đãi ngộ, tôn vinh, khen thưởng đối với các nghệ nhân, ban quản lý di tích hoặc doanh nghiệp, cá nhân có những đóng góp thiết thực cho công tác bảo tồn tín ngưỡng. Qua đó, khuyến khích các nghệ nhân trao truyền kỹ năng, bí quyết tổ chức,

thực hành tín ngưỡng. Thu hút nguồn lực tài chính từ các thành phần kinh tế, các cộng đồng dân cư tham gia bảo tồn tín ngưỡng, trong khi vẫn đảm bảo lợi ích cho người dân. Phải xây dựng được mô hình hợp tác công - tư bao gồm chính quyền - tổ chức chính trị - xã hội với các doanh nghiệp - cộng đồng dân cư nhằm thiết lập một mạng lưới xã hội rộng khắp và bền chặt, cùng chung tay góp sức cho công tác bảo tồn và phát huy giá trị tín ngưỡng của cư dân ven biển Nam Trung Bộ. Đồng thời, mô hình hợp tác này trong quản lý và bảo tồn tín ngưỡng sẽ từng bước tạo ra những sản phẩm và dịch vụ du lịch có chất lượng, phát triển du lịch có trách nhiệm tại các điểm thực hành tín ngưỡng, mang lại lợi ích cho cả địa phương, người dân và doanh nghiệp.

Thứ tư, nâng cao hiệu quả huy động và quản lý sử dụng nguồn vốn xã hội hóa phục vụ toàn diện công tác bảo tồn tín ngưỡng. Công tác huy động nguồn tài trợ từ các doanh nghiệp để hỗ trợ bảo tồn hoạt động tín ngưỡng của cư dân tại chỗ có ý nghĩa hết sức quan trọng. Cần phải nhất quán trên 2 phương diện sau:

- Chính quyền, các ban ngành chức năng, các cơ quan chuyên môn huy động các nguồn tài trợ ngoài nhà nước, khuyến khích, tôn vinh, ghi công danh dự cho những cá nhân và tổ chức xã hội làm tốt việc xã hội hóa các hoạt động bảo tồn tín ngưỡng. Kịp thời phổ biến và nhân rộng các mô hình, cách thức làm hay, sáng tạo để nhiều nơi cùng học tập, làm theo.

- Quản lý, giám sát chặt chẽ việc huy động, sử dụng nguồn tài trợ, nguồn kinh phí xã hội hóa. Đây chính là hành lang pháp lý quan trọng để khắc phục tình trạng một số cá nhân lợi dụng tín ngưỡng tâm linh để thu lợi bất chính, sử dụng kinh phí không đúng mục đích hoặc tu bổ tùy tiện làm sai lệch yếu tố gốc của di tích.

Đồng thời, cần sử dụng hiệu quả, minh bạch và công khai nguồn kinh phí xã hội hóa trên cơ sở xác định đầu tư có trọng tâm, trọng điểm theo các giai đoạn nhất định. Trước tiên, cần xây dựng hoàn thiện hồ sơ của các thiết chế hoạt động tín ngưỡng. Từ đó các địa phương xây dựng kế hoạch tu bổ di tích, đảm bảo việc bảo tồn, tôn tạo theo thứ tự ưu tiên, trong đó xác định danh mục đầu tư, kinh phí đầu tư và lộ trình thực hiện tu bổ, tôn tạo di tích.

4. Kết luận

Xã hội hóa là giải pháp quan trọng để tập trung huy động các nguồn lực đầu tư cho hoạt động bảo tồn tín ngưỡng cư dân ven biển trong điều kiện ngân sách nhà nước hạn hẹp. Công tác xã hội hóa hoạt động bảo tồn tín ngưỡng ở vùng Nam Trung Bộ bước đầu đã đạt một số kết quả tốt, tuy nhiên vẫn còn những hạn chế đặt ra. Vì vậy, để thực hiện hiệu quả việc xã hội hóa bảo tồn tín ngưỡng của cư dân ven biển, góp phần vào bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống và phát triển kinh tế - xã hội địa phương, cần giải quyết đồng bộ, kịp thời, và thực hiện có hiệu quả nhiều nhiệm vụ và giải pháp trước mắt cũng như lâu dài. Trong đó, tạo dựng sự phối hợp thường xuyên, chặt chẽ, hiệu quả giữa các bộ, ngành, các cấp chính quyền, các tổ chức, đoàn thể để huy động sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội cho hoạt động bảo tồn tín ngưỡng cư dân ven biển Nam Trung Bộ, góp phần xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là nhân tố có ý nghĩa quyết định.

Lời cảm ơn

Nghiên cứu này được thực hiện từ nguồn kinh phí hỗ trợ của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, mã số B2020 - DNA - 13.

Tài liệu tham khảo

Nguyệt Anh. (2018). *Quan điểm chỉ đạo của Đảng ta trong Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020*. Truy xuất từ https://stttt.bacgiang.gov.vn/chi-tiet-tin-tuc/-/asset_publisher/RcQOwn9w7wOJ/content/quan-iem-chi-ao-cua-ang-ta-trong-chien-luoc-bien-viet-nam-en-nam-2020, ngày 25/02/2021.

Ban chấp hành Trung ương Đảng. (2018). *Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045*. Nxb Chính trị quốc gia. Hà Nội.

Mai Văn Hai, Mai Kiệm. (2011). *Xã hội học văn hóa*. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội.

Lê Thị Thu Hiền. (2017). *Biến đổi tín ngưỡng cư dân ven biển Đà Nẵng trong quá trình đô thị hóa*. Luận án Tiến sĩ ngành Văn hóa học. Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam. Hà Nội.

Phan Hương. (2021). *Cam Ranh: Bảo tồn, phát huy giá trị di tích*. Truy xuất từ <https://baokhanhhoa.vn/van-hoa/202103/cam-ranh-bao-ton-phat-huy-gia-tri-di-tich-8209314/>, ngày 10/06/2021.

Đ. Sương - T. Ân - M. Hạ. (2019). *Bảo tồn, phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hóa: Còn nhiều trăn trở (kỳ 2)*. Truy xuất từ <http://baoquangngai.vn>, ngày 25/02/2021.

Hà Đình Thành (Chủ biên). (2016). *Văn hoá biển và bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá biển vùng duyên hải Nam Trung Bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá*. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội

Thanh Thùy. (2018). *Bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa tỉnh Ninh Thuận*. Truy xuất từ <http://www.ninhthuan.gov.vn/chinhquyen/sovhttdl/Pages>, ngày 28/02/2021.

Gia Văn. (2020). *Công tác tu bổ di tích trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa tiếp tục được quan tâm triển khai thực hiện*. Truy xuất từ <https://svhtt.khanhhoa.gov.vn/?ArticleId>, ngày 28/02/2021.